

Bản án số: 160/2023/HS-ST
Ngày 19-7-2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ
MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Nam Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lại Hữu Tâm.

2. Bà Trương Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Kiều Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 154/2023/TLST-HS ngày 19 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2023/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Thu D, sinh năm 1987 tại tỉnh Tiền Giang; giới tính: Nữ; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu phố S, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang; Chỗ ở: ấp V, xã V, huyện T, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 0/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông Nguyễn Văn C © và bà Trần Thị C1 ©; bị cáo có chồng và 03 người con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2022.

Tiền án:

- Ngày 10/4/2007, bị Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 13/2007/HSST. Bị can được hoãn chấp hành án do đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi.

- Ngày 23/01/2008, bị Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 13/2008/HSST. Tổng hợp hình phạt của 02 bản án là 01 năm 09 tháng tù. Bị can được hoãn chấp hành án do đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi.

- Ngày 18/3/2009, bị Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 32/2009/HS-ST. Tổng hợp hình phạt của 03 bản án là 03 năm 09 tháng tù. Bị can chấp hành

xong án phạt tù vào ngày 05/10/2012.

- Ngày 07/8/2013, bị Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 166/2013/HS-ST. Bị can chấp hành xong án phạt tù vào ngày 22/11/2016.

- Ngày 21/3/2017, bị Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 49/2017/HS-ST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/9/2020.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa;

* *Bị hại*: Bà Lê Thu H, sinh năm: 1987; Địa chỉ: E ấp E, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ 30 phút ngày 23/5/2022, Nguyễn Thị Thu D đến cửa hàng B tại địa chỉ E Ấp E, xã V để mua gạo. Khi đến cửa hàng, D nhìn thấy học tiền để ở dưới bàn quầy thu ngân do chị Lê Thị H1 quản lý nhưng không có người trông coi nên D nảy sinh ý định lấy trộm tiền. D lại gần quầy thu ngân rồi thò tay lấy trộm số tiền 9.900.000 đồng bỏ vào túi áo thì bị chị H1 phát hiện và bắt quả tang cùng tang vật là số tiền 9.900.000 đồng giao cho Công an xã V lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Sau đó, vụ việc được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B điều tra xử lý.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, Nguyễn Thị Thu D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên, phù hợp với lời khai bị hại, người liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng vụ án:

1/ Số tiền 9.900.000 đồng thu giữ của bị can Nguyễn Thị Thu D. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã trả lại số tiền trên cho bị hại là chị Lê Thu H.

2/ 01 mũ bảo hiểm màu đỏ, hiệu Nón Sơn; 01 áo khoác thun màu đỏ; 01 bộ đồ gồm quần và áo vải thun, màu xanh có chấm bi màu trắng thu giữ của bị can Nguyễn Thị Thu D mặc khi thực hiện hành vi phạm tội. Số vật chứng này, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh tạm giữ chờ xử lý.

Về dân sự: Chị Lê Thu H đã nhận lại số tiền bị mất trộm nên không yêu cầu bồi thường dân sự.

Tại bản cáo trạng số: 154/CT-VKS ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thu D về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo từ 03 năm đến 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ghi nhận bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Thu D khai nhận hành vi như trên; bị cáo D còn khai nhận bản thân bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập nên bị cáo đã có hành vi trộm cắp tiền để trang trải cuộc sống và trả tiền viện phí còn nợ khi sinh đẻ; bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét thấy lời khai tại phiên tòa của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, vật chứng của vụ án và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy đủ cơ sở xác định bị cáo Nguyễn Thị Thu D thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 9.900.000 (chín triệu chín trăm nghìn) đồng của chị Lê Thu H vào ngày 23/5/2022 tại địa chỉ E ấp E, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác. Khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trên, bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình nhưng vì tham lam, vụ lợi, muốn chiếm đoạt tài sản của người khác để tiêu xài nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại là 9.900.000 (chín triệu chín trăm nghìn) đồng.

[4] Xét thấy, tại Bản án số 49/2017/HS- ST ngày 21/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang đã áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung 2009 (tái phạm nguy hiểm) xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tính đến lần phạm tội này bị cáo chưa được xóa án tích đối với bản án trên mà lại tiếp tục cố ý thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trị giá 9.900.000 đồng nên thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm”, là tình tiết định khung tăng nặng được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[4.1] Ngoài ra, trong khoảng thời gian từ năm 2007 đến tháng 5/2022 bị cáo liên tục thực hiện 06 lần trộm cắp tài sản của người khác mà tài sản mỗi lần trộm cắp đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm và đều lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính nên thuộc trường hợp “có tính chất chuyên nghiệp”, là tình tiết định khung tăng nặng được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 nhưng Viện kiểm sát không truy tố bị cáo về tình tiết định khung này là có thiếu sót.

[4.2] Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Nguyễn Thị Thu D phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Xét trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Về vật chứng vụ án:

- Số tiền 9.900.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị Thu D. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã trả lại số tiền trên cho bị hại là chị Lê Thu H, Hội đồng xét xử ghi nhận.

- 01 mũ bảo hiểm màu đỏ, hiệu Nón Sơn; 01 áo khoác thun màu đỏ; 01 bộ đồ gồm quần và áo vải thun, màu xanh có chấm bi màu trắng thu giữ của bị can Nguyễn Thị Thu D mặc khi thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu và tiêu hủy theo quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét chấp nhận một phần đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt đối với bị cáo, chấp nhận đề nghị giải quyết phần dân sự và xử lý vật chứng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b, g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu D 05 (năm) tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị hại không có yêu cầu bồi thường thiệt hại.

3. Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu và tiêu hủy 01 mũ bảo hiểm màu đỏ, hiệu Nón Sơn; 01 áo khoác thun màu đỏ; 01 bộ đồ gồm quần và áo vải thun, màu xanh có chấm bi màu trắng thu giữ của bị can Nguyễn Thị Thu D mặc khi thực hiện hành vi phạm tội.

(Các vật chứng trên Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh đang tạm giữ theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 12/6/2023 giữa Công an huyện B và Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh)

4. Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Bình Chánh;
- Công an H. Bình Chánh;
- Chi cục thi hành án dân sự H. Bình Chánh;
- PC 53- Công an TP.HCM;
- Sở tư pháp TP.HCM;
- Bị cáo;
- Bị hại, Dương sự;
- Lưu hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tạ Nam Phương

